

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồ Điền; ông Nguyễn Văn Biên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:** Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh
Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 174/2025/TLST-HNGĐ
ngày 12 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 01
năm 2026 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh [Vũ Văn H](#), sinh năm 1983

CCCD số 037083004353

Cư trú tại: [Thôn H, xã Y, tỉnh Ninh Bình](#) (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Chị [Nguyễn Thị T](#), sinh năm 1986

CCCD số 038186020288

Cư trú tại: [Thôn Đ, xã L, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2025 và bản tự khai, nguyên đơn anh [Vũ Văn H](#) trình bày:

Anh và chị [Nguyễn Thị T](#) đến với nhau tự nguyện và được sự đồng ý của hai
bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND xã Y, huyện Y \(nay là xã Y\)](#)

[tỉnh Ninh Bình](#) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2020. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau không tìm được tiếng nói chung nên xảy ra cãi vã đỉnh điểm là tháng 6/2023 chị [T](#) tự ý đưa con về nhà mẹ đẻ ở. Anh có vào nói chuyện với chị [T](#) để vợ chồng quay về chung sống nhưng chị [T](#) không đồng ý. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho anh được ly hôn với chị [T](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Vũ Đăng K](#) (nam), sinh ngày 08/6/2022. Hiện nay cháu [K](#) đang ở với chị [T](#). Sau khi ly hôn anh [H](#) đồng ý giao cháu [K](#) cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu [K](#) đến tuổi thành niên và có khả năng lao động anh [H](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#).

Hiện nay anh đang đi làm công ty ở [xã Y, Ninh Bình](#). Thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng. Anh với chị [T](#) đến với nhau là lần 2, hai bên đều có hai con riêng, con riêng của anh đang ở với anh và con riêng của chị [T](#) đang ở với chị [T](#). Con chung của anh và chị [T](#) đang ở cùng chị [T](#).

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2025 chị [Nguyễn Thị T](#) trình bày:

Chị và anh [Vũ Văn H](#) kết hôn năm 2020, đăng ký kết hôn tại [UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình \(nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình\)](#) ngày 18/9/2020. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống. Nay anh [H](#) làm đơn ly hôn thì chị cũng đồng ý

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu [Vũ Đăng K](#) (nam), sinh ngày 08/6/2025. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu [K](#) chị yêu cầu anh [H](#) cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận rộn nên chị đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt chị.

Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2026 bà [Nguyễn Thị N](#), trưởng thôn [Đ, xã L, tỉnh Thanh Hóa](#) cung cấp: Vợ chồng anh [Vũ Văn H](#) và chị [Nguyễn Thị T](#) kết hôn năm 2020 chị [T](#) lấy anh [H](#) là chồng 2. Chồng đầu của chị [T](#) chết, sau đó chị [T](#) kết hôn với anh [H](#) và hai vợ chồng có với nhau 01 con chung, cháu sinh năm 2022. Sau khi kết hôn chị [T](#) ra [xã Y, tỉnh Ninh Bình](#) chung sống với anh [H](#). Hai vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì chị [T](#) cùng con về [thôn Đ, xã L](#) sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thôn không nắm rõ vì anh [H](#), chị [T](#) không yêu cầu thôn tổ chức hoà giải. Nay anh [H](#) làm đơn ly hôn chị [T](#) đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 06/01/2026 và ngày 20/01/2026 Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/12/2025 và thông báo ngày 06/01/2026, tuy nhiên, chị [T](#) vắng mặt có lý do, [H](#) có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS), TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

- * Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Vũ Văn H](#)
- Về hôn nhân: Xử cho anh [Vũ Văn H](#) được ly hôn với chị [Nguyễn Thị T](#)
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là [Vũ Đăng K](#) (nam), sinh ngày 08/6/2022 cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. anh [H](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000đ.
- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh [Vũ Văn H](#) và chị [Nguyễn Thị T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX miễn xét.
- * Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc anh [Vũ Văn H](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh [Vũ Văn H](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Nguyễn Thị T](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn cư trú tại [xã L, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh [Vũ Văn H](#) và chị [Nguyễn Thị T](#) đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt, Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh [H](#) và chị [T](#) theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Anh [Vũ Văn H](#) và chị [Nguyễn Thị T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn [UBND xã Y, huyện Y \(nay là xã Y\) tỉnh Ninh Bình](#), như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã, nên chị [T](#) đã bỏ về nhà ở [Thôn Đ, xã L, tỉnh Thanh Hóa](#) ở.

HĐXX thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa anh [H](#) và chị [T](#) luôn xảy ra mâu thuẫn, chị [T](#) đã đưa con về [Thôn Đ, xã L](#) ở và hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh [H](#) được ly hôn với chị [T](#) là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Vũ Đăng K](#) (nam), sinh ngày 08/6/2022. Chị [T](#) có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu [K](#) đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, yêu cầu anh [H](#) cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh [H](#) thể hiện quan điểm nếu chị [T](#) yêu cầu cấp dưỡng thì anh cấp dưỡng nuôi cháu [K](#) 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu [K](#) đến tuổi thành niên.

HĐXX thấy: Cháu [K](#) hiện nay đang còn nhỏ để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu, tạo điều kiện cho cháu ổn định về tinh thần và cháu [K](#) cần có bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Vì vậy, giao cháu [Vũ Đăng K](#) cho chị [Nguyễn Thi T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Theo anh [H](#) khai hiện nay anh đang làm công ty ở [xã Y, Ninh Bình](#). Thu nhập bình quân 7.000.000đ/ tháng. Xét về điều kiện anh [H](#) đang còn nuôi hai con nhỏ của vợ cũ và lương thu nhập bình quân hàng tháng 7.000.000đ. Theo quy định tại của Nghị quyết 01/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 thì mức cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn tối thiểu sẽ bằng nửa tháng lương tối thiểu vùng/tháng. Như vậy, vùng IV ([Y, Ninh Bình](#)) lương tối thiểu là 3.450.000đ. Nên buộc anh [H](#) cấp dưỡng nuôi cháu [K](#) mỗi tháng là 1.725.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh [Vũ Văn H](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

** Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh [Vũ Văn H](#)

- Về hôn nhân: Xử cho anh [Vũ Văn H](#) được ly hôn với chị [Nguyễn Thi T](#)

- Về con cái: Giao cháu Vũ Đăng K (giới tính: nam), sinh ngày 08/6/2022 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.725.000đ (một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/02/2026).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 12/11/2025 theo biên lai thu số: 0002913. Như vậy, anh H còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị T.

Anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
(ĐK 18/9/2020);

Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

